# Market Highlight

13 January 2014

## HOSE 13/01/2014

| | | | |
|---|---|---|---|
| VNINDEX | 521.11 | 2.17 | 0.42% |

| | | |
|---|---|---|
| KLGD | 71,994,499 | CP |
| GTGD | 1,145.22 | Tỷ |
| GTR NDTNN | 86.83 | Tỷ |

| | | |
|---|---|---|
| CP Tăng giá | 106 | CP |
| CP Giảm giá | 105 | CP |
| CP Đứng giá | 93 | CP |

## HNX 13/1/2014

| | | | |
|---|---|---|---|
| HNXINDEX | 71.05 | 0.28 | 0.40% |

| | | |
|---|---|---|
| KLGD | 47,485,536 | CP |
| GTGD | 419.65 | Tỷ |
| GTR NDTNN | 8.15 | Tỷ |

| | | |
|---|---|---|
| CP Tăng giá | 102 | CP |
| CP Giảm giá | 92 | CP |
| CP Đứng giá | 185 | CP |

## VN30 & HNX30 INDEX

| | | | |
|---|---|---|---|
| VN30 | 576.61 | 0.45 | 0.08% |
| HNX30 | 135.78 | 0.86 | 0.64% |


**VietinBankSc**
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn


## Tâm điểm

- **Dòng tiền sụt giảm, 2 sàn tăng điểm nhẹ**
- **Thanh khoản sụt giảm trong phiên hôm nay**
  Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 1.500 tỷ đồng.
- **Bộ Tài chính: Năm 2013, 34.6% doanh nghiệp cả nước khai làm ăn có lãi**
  Qua đó đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế
  Dân Việt
- **Dự báo xuất khẩu tôm đạt 3.5 tỷ USD**
  Trong đó, tôm thẻ chân trắng vẫn được dự báo là mặt hàng tiềm năng
  Dân Việt
- **Kinh tế toàn cầu 2014 khả quan nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ**
  Theo thông tin đánh giá từ mạng tin Tradegoods
  VOV Online
- **DSN - Lãi sau thuế quý 4/2013 giảm 44% cùng kỳ**
  Giảm là do ảnh hưởng từ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính
  Công Lý
- **TIX - Đặt kế hoạch lãi 63.81 tỷ đồng năm 2014**
  Mức lợi nhuận này giảm 2% so với kết quả thực hiện năm 2013
  Đầu Tư Chứng Khoán

| Thị trường / Ngành | Vốn hóa (tỷ) | P/E | P/B | ROE | ROA |
|---|---|---|---|---|---|
| **Theo thị trường** | | | | | |
| HOSE | 841,549 | 13.5 | 3.2 | 20.9% | 11.5% |
| HNX | 98,900 | 23.0 | 1.5 | 8.0% | 4.3% |
| **Toàn bộ thị trường** | **940,449** | **14.4** | **3.1** | **20.0%** | **10.9%** |
| **Theo ngành** | | | | | |
| Nhựa, cao su & sợi | 7,550 | 4.7 | 1.0 | 21.1% | 15.3% |
| Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & | 20,886 | 5.9 | 1.6 | 29.1% | 22.1% |
| Thép và sản phẩm thép | 24,000 | 12.0 | 1.3 | 12.9% | 5.6% |
| Khai khoáng | 12,022 | 23.3 | 5.0 | 13.0% | 10.4% |
| Vật liệu xây dựng & Nội thất | 13,916 | 11.5 | 1.2 | 16.3% | 12.0% |
| Xây dựng | 20,919 | 2,261.3 | 0.8 | 3.7% | 1.6% |
| Máy công nghiệp | 7,374 | 14.3 | 1.5 | 15.6% | 7.6% |
| Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 7,246 | 8.8 | 1.2 | 18.6% | 12.8% |
| Lốp xe | 6,357 | 8.7 | 2.4 | 30.1% | 14.3% |
| Nuôi trồng nông & hải sản | 13,386 | 10.7 | 1.1 | 11.5% | 6.0% |
| Thực phẩm | 210,534 | 24.4 | 5.7 | 26.9% | 20.5% |
| Dược phẩm | 12,654 | 10.8 | 2.8 | 26.5% | 17.2% |
| Phần mềm | 12,323 | 7.7 | 1.8 | 24.6% | 10.7% |
| Sản xuất & phân phối điện | 19,771 | 7.5 | 1.2 | 21.0% | 9.4% |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 128,282 | 10.6 | 3.9 | 41.0% | 23.4% |
| Bảo hiểm nhân thọ | 31,506 | 28.3 | 2.5 | 9.3% | 2.4% |
| Môi giới chứng khoán | 16,526 | 21.3 | 0.9 | 5.2% | 3.4% |
| Ngân hàng | 202,880 | 11.6 | 1.4 | 11.3% | 0.9% |
| Bất động sản | 120,896 | 46.9 | 3.5 | 8.2% | 2.0% |
| Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí | 19,294 | 6.6 | 1.3 | 19.0% | 6.4% |

## Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường


Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

**Sac Q. Nguyen**
sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin kinh tế

**Bộ Tài chính: Năm 2013, 34.6% doanh nghiệp cả nước khai làm ăn có lãi**

Tại Hội nghị ngành của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh, thứ trưởng Bộ Tài chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn cho biết, tình hình sản xuất kinh doanh của DN trong năm 2013 đã có bước khởi sắc khá quan trọng. Đặc biệt, nếu như từ năm 2012 trở về trước số DN khai lỗ luôn chiếm 70% và số DN khai lãi chỉ chiếm 30% trên tổng số DN, thì trong năm 2013, số DN khai có lãi đã tăng lên 34.6%, tăng 4.6% so với năm 2012.Như vậy đã có 28,800 tỷ đồng chuyển từ lỗ thành lãi và số thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực DN nộp cho ngân sách là trên 91,000 tỷ đồng, tăng trên 18% so với năm 2012.

**Dự báo xuất khẩu tôm đạt 3.5 tỷ USD**

Ông Trần Thiện Hải - Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam (VASEP) đã đưa ra dự báo, năm 2014, xuất khẩu tôm có thể đạt được mức 3.5 tỷ USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng vẫn được dự báo là mặt hàng tiềm năng. Thống kê từ VASEP, chỉ tính 11 tháng của năm 2013, xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 1.4 tỷ USD, trong khi tôm sú chỉ là 1.2 tỷ USD. Kết thúc năm 2013 , tổng giá trị xuất khẩu tôm đạt con số kỷ lục trên 3 tỷ USD, tăng 34,5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm đến 44% tổng kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản của cả nước.

**Kinh tế toàn cầu 2014 khả quan nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ**

Mạng tin Tradegoods vừa đưa ra nhận định: Năm 2014, triển vọng kinh tế thế giới có thể khả quan hơn năm 2013, song vẫn tiềm ẩn nguy cơ trượt dốc. Theo mạng tin trên, tăng trưởng GDP thực tế của toàn cầu dự kiến tăng 3.7% nhờ sự tăng trưởng của các khu vực, tăng trưởng GDP tại bảy nước công nghiệp phát triển vẫn như năm 2013, thu nhập sau thuế tính theo đầu người tại Tây Âu sẽ tăng lần đầu tiên kể từ năm 2007 và chi tiêu tiêu dùng thực tế trên toàn cầu sẽ tăng 3%, trong đó Tây Âu chỉ đóng góp 10% trong mức tăng này.

**Sac Q. Nguyen**
sacnq@vietinbanksc.com.vn

## ► Tin doanh nghiệp

**KLF - Ước lãi trước thuế 40 tỷ đồng năm 2013**

Trong năm 2014, dự báo mức tăng trưởng lợi nhuận của Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế (HNX: KLF) dự kiến tăng 30% so với năm nay.Cụ thể, trong quý IV - 2013, Công ty đã ghi nhận gần 209 tỷ đồng doanh thu, lãi trước thuế 20 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, Công ty KLF Global đạt 391.2 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế 40 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2013 ước đạt xấp xỉ 1,200 đồng.Trong năm 2014, dự báo mức tăng trưởng lợi nhuận dự kiến tăng 30% so với năm nay.

**DSN - Lãi sau thuế quý 4/2013 giảm 44% cùng kỳ**

CTCP Công Viên Nước Đầm Sen (HOSE: DSN) công bố BCTC quý 4/2013 với doanh thu thuần hơn 24 tỷ, tăng nhẹ 2% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ hơn 4.8 tỷ đồng, giảm gần 44% so với cùng kỳ năm ngoái.Công ty đưa ra giải trình việc lợi nhuận giảm là do ảnh hưởng từ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. Cụ thể, doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2013 chỉ gần 4 tỷ đồng, bằng 79% so với cùng kỳ do lãi suất tiền gởi có kỳ hạn tại ngân hàng giảm xuống so với năm 2012.Ngoài ra, quý 4/2013, công ty trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán hơn 3 tỷ đồng, trong khi đó cùng kỳ không phát sinh khoản chi phí này.

**TIX - Đặt kế hoạch lãi 63.81 tỷ đồng năm 2014**

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ CTCP Sản xuất kinh doanh XNK Dịch vụ và đầu tư Tân Bình (HOSE: TIX), năm tài chính 2013 - 2014, TIX đặt kế hoạch doanh thu 315.884 tỷ đồng, giảm 9% so với kết quả thực hiện năm 2013, lợi nhuận sau thuế 63.81 tỷ đồng, giảm 2% so với thực hiện năm 2013 và tỷ lệ chia cổ tức giữ nguyên ở mức 20%.Trong kế hoạch kinh doanh nói trên, mảng thu từ kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp dự kiến đóng góp 76.443 tỷ đồng, tăng gấp 3.66 lần so với năm 2013, thu từ kinh doanh địa ốc 142.728 tỷ đồng, thu từ dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng 77.22 tỷ đồng; còn lại là thu từ các mảng đầu tư tài chính, hoạt động khác.

# Market Highlight

| HOSE | 13/01/2014 | VNINDEX | 521.11 | 2.17 | 0.42% | 71,994,499 CP | **1,145.22** bil VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|

**Dòng tiền sụt giảm, 2 sàn tăng điểm nhẹ**

VN-Index tăng 2.17 điểm (0.42%), đóng cửa tại mức 521.11 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm vượt qua mốc 520 điểm.
- MA10, MA20 đi lên cho thấy tín hiệu ngắn hạn đang rất tích cực.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang rất tích cực.
- Stochastic Oscillator tiếp tục đi xuống, nhưng vẫn đang ở vùng quá mua.
- RSI (14) tăng lên mức 70, đi vào vùng quá mua. ADX tiếp tục tăng.

## HOSE Top 5 theo KLGD

| | | |
|---|---|---|
| SSI | 0.2 (1.0%) | 3,951,200 |
| ITA | -0.1 (-1.5%) | 3,086,900 |
| HQC | 0 (0.0%) | 2,916,730 |
| FLC | -0.2 (-2.2%) | 2,697,420 |
| PPC | -0.6 (-2.3%) | 2,578,600 |

## HOSE Top 5 theo % tăng

| | | |
|---|---|---|
| SJS | 1.4 (6.9%) | 187,300 |
| ASIAGF | 0.6 (6.8%) | 10 |
| HAX | 0.3 (6.8%) | 600 |
| PTB | 2.6 (6.7%) | 37,450 |
| SZL | 1.3 (6.7%) | 261,120 |

## HOSE Top 5 theo % giảm

| | | |
|---|---|---|
| COM | -2 (-6.9%) | 10 |
| PDR | -1 (-6.9%) | 50 |
| ITD | -0.6 (-6.8%) | 1,065,010 |
| PTL | -0.2 (-6.3%) | 668,230 |
| VIS | -0.7 (-6.1%) | 639,250 |

## HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

| | | | |
|---|---|---|---|
| GAS | 29,8 | tỷ | 416,940 |
| VCB | 14,7 | tỷ | 537,510 |
| SSI | 14,4 | tỷ | 723,270 |
| PVD | 9,7 | tỷ | 147,550 |
| MSN | 7,5 | tỷ | 86,820 |

## HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

| | | | |
|---|---|---|---|
| PET | -6,6 | tỷ | 300,430 |
| PVT | -3,9 | tỷ | 326,210 |
| HAG | -3,5 | tỷ | 169,100 |
| NTL | -3,0 | tỷ | 207,500 |
| KMR | -2,2 | tỷ | 303,035 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|---|---|---|
| HOSE | 1,549,005 | 86.83 |

## Nhận định / Bình luận thị trường

- TT giao dịch khá giằng co ở phiên sáng và tăng điểm mạnh hơn ở phiên chiều. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng điểm tốt, giữ nhịp tăng cho thị trường.
- Thanh khoản giảm mạnh, sụt giảm xuống dưới mức bình quân 20 phiên. Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang dần thận trọng trở lại.
- Áp lực chốt lời có thể sẽ khiến VN-Index điều chỉnh, tuy nhiên nhịp điều chỉnh có thể sẽ không lớn. Chúng tôi cho rằng, VN-Index vẫn đang hướng tới mốc 533 điểm.
- Khối ngoại mua ròng khá mạnh phiên hôm nay, điều này sẽ tiếp tục giúp nhà đầu tư được củng cố thêm niềm tin.
- NĐT có thể xem xét chốt lời và chờ nhịp điều chỉnh để mua lại. Việc mua mới có thể chú ý tới các mã kín room khối ngoại, KQKD Quý 4 tích cực.

## HOSE - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | ROE | ROA |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| GAS | 1,895.0 | 72.0 | 136,440.00 | 10.7 | 4.0 | 42.1% | 24.0% |
| VNM | 833.5 | 137.0 | 114,193.02 | 19.9 | 7.2 | 40.4% | 32.2% |
| VIC | 928.6 | 71.0 | 65,932.92 | 52.5 | 5.4 | 11.0% | 2.1% |
| VCB | 2,317.4 | 27.5 | 63,728.97 | 15.5 | 1.5 | 10.1% | 1.0% |
| MSN | 705.1 | 86.0 | 60,642.12 | 66.1 | 4.3 | 6.5% | 2.5% |
| CTG | 3,266.1 | 16.2 | 52,911.54 | 7.4 | 1.5 | 17.2% | 1.2% |
| BVH | 680.5 | 38.7 | 26,334.24 | 28.3 | 2.5 | 9.3% | 2.4% |
| STB | 1,142.5 | 17.3 | 19,765.45 | 32.5 | 1.3 | 4.2% | 0.4% |
| HPG | 419.1 | 43.3 | 18,144.97 | 10.2 | 1.4 | 14.9% | 6.8% |
| DPM | 379.9 | 43.0 | 16,337.17 | 5.5 | 1.6 | 30.8% | 25.8% |

## HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| PVT | 232.6 | 11.9 | 2,767.94 | 13.0 | 0.5 | NA | **CW** |
| PPC | 318.2 | 25.3 | 8,049.31 | 5.6 | 1.6 | NA | **CW** |
| DPM | 379.9 | 43.0 | 16,337.17 | 5.5 | 1.6 | NA | **CW** |
| BMP | 45.5 | 72.0 | 3,274.45 | 9.5 | 1.9 | NA | **CW** |
| VSC | 28.6 | 60.5 | 1,733.09 | 5.0 | 1.2 | NA | **CW** |

**CB**: Xem xét mua I **CS**: Xem xét bán ra I **CH**: Xem xét nắm giữ I **CW**: Theo dõi

# Market Highlight

| HNX | 13/01/2014 | HNX-Index | 71.05 | 0.28 | 0.40% | 47,485,536 CP | **419.65** bil. VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|

**Dòng tiền sụt giảm, 2 sàn tăng điểm nhẹ**

Chỉ số HNX-Index tăng 0.28 điểm (+0.4%), đóng cửa tại mốc 71.05 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến ngắn, tăng điểm nhẹ.
- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng, điều này cho thấy xu hướng tăng điểm ngắn hạn của HNX-Index vẫn được duy trì.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đi xuống nhưng vẫn đang ở trong ngưỡng quá mua.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên. Đây là một tín hiệu rất tích cực.
- RSI (14) giảm nhẹ và ở mức 77.7.

| HNX Top 5 | theo KLGD | |
|---|---|---|
| PVX | 0.1 (3.2%) | 7,404,910 |
| SHN | -0.4 (-7.3%) | 5,275,000 |
| KLS | -0.1 (-1.1%) | 2,806,260 |
| VND | -0.1 (-0.9%) | 2,331,080 |
| SCR | -0.1 (-1.3%) | 2,187,400 |

| HNX Top 5 | theo % tăng | |
|---|---|---|
| SDC | 1 (15.6%) | - |
| GGG | 0.3 (10.0%) | 145,250 |
| SDG | 2.1 (10.0%) | 100 |
| VE4 | 0.8 (10.0%) | - |
| PCG | 0.7 (9.6%) | 9,400 |

| HNX Top 5 | theo % giảm | |
|---|---|---|
| CCM | -1.2 (-10.0%) | 2,000 |
| PPE | -0.3 (-10.0%) | 2,200 |
| SDN | -2.3 (-10.0%) | 100 |
| SHA | -0.6 (-9.8%) | 300 |
| TET | -1 (-9.8%) | 100 |

| HNX Top 5 | Mua ròng NDTNN | | |
|---|---|---|---|
| VND | 4,1 | tỷ | 360,500 |
| SHB | 2,0 | tỷ | 288,400 |
| KLS | 1,9 | tỷ | 200,000 |
| PVS | 1,1 | tỷ | 47,200 |
| KLF | 0,7 | tỷ | 49,000 |

| HNX Top 5 | Bán ròng NDTNN | | |
|---|---|---|---|
| DBC | -2,3 | tỷ | 115,000 |
| TCT | -0,4 | tỷ | 4,500 |
| SHN | -0,3 | tỷ | 60,000 |
| VCS | -0,2 | tỷ | 11,000 |
| MEC | -0,1 | tỷ | 20,000 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|---|---|---|
| HNX | 844,400 | 8.15 |

## Nhận định / Bình luận thị trường

- TT giao dịch khá giằng co ở phiên sáng và tăng điểm mạnh hơn ở phiên chiều. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí tăng điểm tốt, giữ nhịp tăng cho thị trường.
- Thanh khoản sụt giảm ở sàn này, áp lực điều chỉnh đang khá lớn ở sàn này. Điều này thể hiện tâm lý nhà đầu tư đang thận trọng trở lại.
- Áp lực chốt lời có thể sẽ khiến HNX-Index điều chỉnh, tuy nhiên nhịp điều chỉnh có thể sẽ không lớn. Chúng tôi cho rằng, HNX-Index vẫn đang giữ nhịp tăng điểm.
- Khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng ở phiên hôm nay, điều này sẽ tiếp tục giúp nhà đầu tư được củng cố thêm niềm tin.
- Nhóm cổ phiếu ở sàn Hà Nội vẫn được ưu tiên nắm giữ. Đặc biệt là nhóm cổ phiếu có KQKD tốt. NĐT ưa lướt sóng có thể chốt lời và chờ điều chỉnh để vào lại.

## HNX - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | ROE | ROA |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ACB | 921.5 | 15.9 | 14,652.09 | 37.0 | 1.2 | 3.1% | 0.2% |
| PVS | 446.7 | 24.3 | 10,854.82 | 5.3 | 1.0 | 18.6% | 5.3% |
| SQC | 110.0 | 78.2 | 8,602.00 | 70.5 | 6.3 | 9.1% | 7.3% |
| SHB | 886.1 | 7.0 | 6,202.58 | - 25.6 | 0.6 | -2.3% | -0.2% |
| VCG | 441.7 | 10.3 | 4,549.62 | 42.7 | 1.0 | 2.3% | 0.4% |
| PVI | 226.3 | 18.2 | 4,117.84 | 10.2 | 0.6 | 5.8% | 3.1% |
| LAS | 77.8 | 40.0 | 3,113.28 | 7.4 | 2.4 | 32.8% | 16.0% |
| OCH | 100.0 | 27.3 | 2,730.00 | 23.6 | 2.3 | 9.8% | 3.0% |
| NTP | 43.3 | 62.1 | 2,691.29 | 7.4 | 1.9 | 27.4% | 18.4% |
| VNR | 100.8 | 24.0 | 2,419.86 | 6.7 | 0.9 | 14.3% | 7.7% |

## HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| PGS | 38.0 | 32.1 | 1,219.80 | 4.5 | 0.9 | NA | **CW** |
| AAA | 19.8 | 18.6 | 368.28 | 3.1 | 0.5 | NA | **CW** |
| VND | 100.0 | 11.4 | 1,139.71 | 7.8 | 0.8 | NA | **CW** |
| NTP | 43.3 | 62.1 | 2,691.29 | 7.4 | 1.9 | NA | **CW** |
| LHC | 2.0 | 59.1 | 118.20 | 3.9 | 1.1 | NA | **CW** |

**CB**: Xem xét mua I **CS**: Xem xét bán ra I **CH**: Xem xét nắm giữ I **CW**: Theo dõi

| Chỉ số bình quân ngành | Vốn hóa (tỷ) | P/E | P/B | ROE | ROA |
|---|---|---|---|---|---|
| **Hóa chất & Tài nguyên cơ bản** | | | | | |
| Hóa Chất | | | | | |
| Nhựa, cao su & sợi | 7,550 | 4.7 | 1.0 | 21.1% | 15.3% |
| Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác | 20,886 | 5.9 | 1.6 | 29.1% | 22.1% |
| Lâm nghiệp và giấy | | | | | |
| Lâm sản và Chế biến gỗ | 852 | 11.9 | 0.4 | 3.5% | 2.6% |
| Sản xuất giấy | 532 | 9.9 | 0.5 | 11.3% | 5.2% |
| Kim loại | | | | | |
| Thép và sản phẩm thép | 24,000 | 12.0 | 1.3 | 12.9% | 5.6% |
| Khai khoáng | | | | | |
| Khai thác than | 1,356 | 19.6 | 0.7 | 4.5% | 0.8% |
| Khai khoáng | 12,022 | 23.3 | 5.0 | 13.0% | 10.4% |
| **Xây dựng và vật liệu** | | | | | |
| Xây dựng và vật liệu | | | | | |
| Vật liệu xây dựng & Nội thất | 13,916 | 11.5 | 1.2 | 16.3% | 12.0% |
| Xây dựng | 20,919 | 2,261.3 | 0.8 | 3.7% | 1.6% |
| **Hàng và dịch vụ công nghiệp** | | | | | |
| Hàng công nghiệp | | | | | |
| Containers & Đóng gói | 1,998 | 6.0 | 1.1 | 20.3% | 10.8% |
| Công nghiệp phức hợp | 184 | -5.4 | 0.5 | -7.0% | -5.7% |
| Điện tử và thiết bị điện | | | | | |
| Hàng điện & điện tử | 1,540 | 12.6 | 1.4 | 8.7% | 5.6% |
| Thiết bị điện | 1,182 | -8.6 | 0.5 | -0.9% | -1.2% |
| Công nghiệp nặng | | | | | |
| Xe tải & Đóng tàu | 23 | 15.9 | 0.3 | 2.0% | 1.4% |
| Máy công nghiệp | 7,374 | 14.3 | 1.5 | 15.6% | 7.6% |
| Vận tải | | | | | |
| Vận tải thủy | 3,886 | -5.0 | 0.5 | 3.3% | 1.9% |
| Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 7,246 | 8.8 | 1.2 | 18.6% | 12.8% |
| Dịch vụ vận tải | 3,990 | 8.7 | 1.1 | 15.4% | 8.9% |
| Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh | | | | | |
| Tư vấn & Hỗ trợ KD | 1,355 | 5.1 | 0.9 | 18.7% | 11.3% |
| Đào tạo & Việc làm | 181 | 34.0 | 0.6 | 3.7% | 1.7% |
| Nhà cung cấp thiết bị | 154 | 7.3 | 0.8 | 12.7% | 5.1% |
| Chất thải & Môi trường | 88 | 1.7 | 0.6 | 39.1% | 18.7% |
| **Ô tô và Phụ tùng** | | | | | |
| Ô tô và Phụ tùng | | | | | |
| Sản xuất ô tô | 1,250 | 10.5 | 0.9 | 9.9% | 6.8% |
| Lốp xe | 6,357 | 8.7 | 2.4 | 30.1% | 14.3% |
| **Thực phẩm và đồ uống** | | | | | |
| Bia và đồ uống | | | | | |
| Sản xuất bia | 1,112 | 5.1 | 0.9 | 18.4% | 11.7% |
| Vang & Rượu mạnh | 207 | 10.2 | 1.5 | 16.2% | 9.9% |
| Đồ uống & giải khát | 162 | 4.1 | 0.8 | 18.4% | 13.3% |
| Sản phẩm thực phẩm | | | | | |
| Nuôi trồng nông & hải sản | 13,386 | 10.7 | 1.1 | 11.5% | 6.0% |
| Thực phẩm | 210,534 | 24.4 | 5.7 | 26.9% | 20.5% |
| **Hàng cá nhân và gia dụng** | | | | | |
| Hàng gia dụng | | | | | |
| Đồ gia dụng lâu bền | 18 | -1.7 | 0.2 | -12.9% | -9.7% |
| Thiết bị gia dụng | 1,377 | 7.0 | 0.8 | 12.7% | 5.5% |
| Hàng hóa giải trí | | | | | |
| Điện tử tiêu dùng | 151 | 3.4 | 1.0 | 32.8% | 23.1% |
| Hàng cá nhân | | | | | |
| Hàng may mặc | 1,892 | 7.4 | 0.9 | 12.7% | 5.7% |
| Giầy dép | 4 | 1.3 | 0.2 | 12.3% | 6.3% |
| Hàng cá nhân | 4,019 | 8.2 | 1.5 | 18.3% | 9.8% |
| Thuốc lá | | | | | |
| Thuốc lá | 680 | 52.5 | 0.9 | 6.2% | 3.8% |

| Chỉ số bình quân ngành | Vốn hóa (tỷ) | P/E | P/B | ROE | ROA |
|---|---|---|---|---|---|
| **Y tế** | | | | | |
| Thiết bị và dịch vụ y tế | | | | | |
| Thiết bị y tế | 949 | 4.1 | 1.0 | 27.7% | 14.1% |
| Dụng cụ y tế | 66 | 1.9 | 1.2 | 30.9% | 11.0% |
| Dược phẩm | | | | | |
| Công nghệ sinh học | 120 | 11.3 | 0.8 | 7.0% | 4.2% |
| Dược phẩm | 12,654 | 10.8 | 2.8 | 26.5% | 17.2% |
| **Bán lẻ** | | | | | |
| Phân phối thực phẩm và dược | | | | | |
| Phân phối thực phẩm | 359 | 44.8 | 1.1 | 2.5% | 0.8% |
| Bán lẻ | | | | | |
| Bán lẻ phức hợp | 539 | 14.8 | 0.9 | 11.8% | 6.5% |
| Phân phối hàng chuyên dụng | 2,812 | 8.6 | 1.9 | 30.1% | 4.8% |
| **Truyền thông, Du lịch và Giải trí** | | | | | |
| Truyền thông | | | | | |
| Dịch vụ truyền thông | 5 | 1.6 | 0.3 | 16.1% | 9.1% |
| Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa | 850 | 5.9 | 0.8 | 14.0% | 8.6% |
| Du lịch và giải trí | | | | | |
| Hàng không | 70 | 5.2 | 2.1 | 35.0% | 15.7% |
| Khách sạn | 2,980 | 24.1 | 2.3 | 9.6% | 3.7% |
| Dịch vụ giải trí | 1,441 | 17.7 | 1.6 | 17.9% | 16.0% |
| Vận tải hành khách & Du lịch | 1,010 | 10.6 | 1.8 | 22.8% | 19.8% |
| **Viễn Thông & Công nghệ thông tin** | | | | | |
| Viễn thông cố định | | | | | |
| Viễn thông cố định | 54 | 12.7 | 0.4 | 3.1% | 1.6% |
| Phần mềm và dịch vụ máy tính | | | | | |
| Dịch vụ máy tính | 383 | - 137.6 | 0.5 | 1.2% | 0.5% |
| Internet | 163 | - 0.7 | 0.4 | -41.1% | -9.7% |
| Phần mềm | 12,323 | 7.7 | 1.8 | 24.6% | 10.7% |
| Thiết bị và phần cứng | | | | | |
| Phần cứng | 255 | 7.9 | 0.4 | 4.7% | 1.8% |
| Thiết bị văn phòng | 164 | 4.6 | 0.7 | 15.5% | 11.2% |
| Thiết bị viễn thông | 2,104 | 10.3 | 0.9 | 8.6% | 5.9% |
| **Điện nước, xăng dầu và khí đốt** | | | | | |
| Sản xuất & phân phối điện | | | | | |
| Sản xuất & phân phối điện | 19,771 | 7.5 | 1.2 | 21.0% | 9.4% |
| Nước & khí đốt | | | | | |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 128,282 | 10.6 | 3.9 | 41.0% | 23.4% |
| Nước | 853 | 4.6 | 0.9 | 17.0% | 11.7% |
| **Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản** | | | | | |
| Bảo hiểm phi nhân thọ | | | | | |
| Bảo hiểm phức hợp | 1,049 | 17.0 | 0.7 | 4.5% | 1.8% |
| Bảo hiểm phi nhân thọ | 5,421 | 9.1 | 0.6 | 6.6% | 3.3% |
| Tái bảo hiểm | 2,248 | 6.7 | 0.9 | 14.3% | 7.7% |
| Bảo hiểm nhân thọ | | | | | |
| Bảo hiểm nhân thọ | 31,506 | 28.3 | 2.5 | 9.3% | 2.4% |
| Dịch vụ tài chính | | | | | |
| Tài chính đặc biệt | 3,180 | 153.5 | 1.0 | 0.6% | 0.2% |
| Môi giới chứng khoán | 16,526 | 21.3 | 0.9 | 5.2% | 3.4% |
| Ngân hàng | | | | | |
| Ngân hàng | 202,880 | 11.6 | 1.4 | 11.3% | 0.9% |
| Bất động sản | | | | | |
| Bất động sản | 120,896 | 46.9 | 3.5 | 8.2% | 2.0% |
| Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản | 4 | - 5.0 | 0.4 | -7.7% | -3.8% |
| **Dầu khí** | | | | | |
| Thiết bị, dịch vụ và phân phối | | | | | |
| Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí | 19,294 | 6.6 | 1.3 | 19.0% | 6.4% |

**P/E:** PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản



Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.